

VẤN ĐỀ "TỪ" TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THIỆN GIÁP

Khoa Ngữ văn, DHTH Hà Nội

1. Từ là một trong những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học. Khi nghiên cứu bất cứ một ngôn ngữ nào người ta cũng không thể lảng tránh việc xác định cái đơn vị này. Tuy nhiên, đây là một trong những vấn đề khó khăn nhất của ngôn ngữ học vì trong lý thuyết đại cương chưa có quan niệm thống nhất về khái niệm từ, đồng thời ở những loại hình ngôn ngữ khác nhau, ở mỗi ngôn ngữ khác nhau, từ cũng có những đặc điểm riêng của mình. Điều đó giải thích tại sao những cuộc tranh cãi về từ trong ngôn ngữ học đã diễn ra thường xuyên. Với lẽ đó, vấn đề "từ" trong tiếng Việt thuộc loại đề tài về lý luận cơ bản, có tính chất muôn thuở, nhưng không bao giờ cũ và rất quan trọng vì toàn bộ hệ thống miêu tả tiếng Việt phụ thuộc trực tiếp vào nó. Tiến hành đề tài này chúng tôi nhằm mục đích tiến tới biên soạn một chuyên đề dạy ở bậc cao học cho sinh viên ngành ngôn ngữ học, trong đó một mặt chúng tôi cung cấp những tri thức lý luận ngôn ngữ học kinh điển cũng như hiện đại về vấn đề từ, mặt khác, sử dụng chúng như những công cụ để thẩm định, đánh giá lại những quan niệm về từ đã có của tiếng Việt, nâng cao năng lực tư duy lý luận cho sinh viên.

2. Đường như bất cứ ai nghiên cứu về tiếng Việt đều suy nghĩ về vấn đề từ, nhưng trực tiếp hơn, hiển ngôn hơn là các nhà từ điển học, từ vựng học và ngữ pháp học.

Trước năm 1945, cái quan niệm bao trùm trong giới Việt ngữ học là "tiếng Việt là tiếng đơn âm, mỗi từ là một âm tiết", ít ai nghi ngờ cái chân lý hiển nhiên đó. Nhưng từ năm 1954 trở đi, khi lý thuyết ngôn ngữ học được truyền bá rộng rãi ở Việt Nam trong các trường đại học, trong các viện nghiên cứu, người ta bắt đầu nhận thức lại vấn đề này. Các khái niệm từ đơn, từ ghép, từ đa tiết, v.v... được áp dụng rộng rãi. Và suốt mấy chục năm trời, những khái niệm này đã in sâu trong óc các nhà nghiên cứu và được truyền bá cho toàn xã hội. Cái quan niệm bao trùm trong giới nghiên cứu cũng như xã hội lúc này là: tiếng Việt cũng có từ đơn, từ ghép, từ đa tiết như các ngôn ngữ châu Âu. Cái nhận định "tiếng Việt là tiếng đơn âm, mỗi từ là một âm tiết" trước đây coi là ấu trĩ, phản ánh quan niệm của những người chưa thấm nhuần lý thuyết ngôn ngữ học. Nhưng thừa nhận từ đơn, từ ghép, trong tiếng Việt, suốt mấy chục năm đồng các nhà Việt ngữ học lúng túng không làm sao phân định được rạch ròi từ đơn và hình vị, từ ghép và cụm từ tự do, từ đa tiết, từ ghép và cụm từ cố định. Đây là một trong những nguyên nhân đẩy học sinh vào tình trạng phải thốt lên "phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam".

Trong giáo trình "Từ vựng tiếng Việt" do Trường đại học Tổng hợp Hà Nội in năm 1978 [1] chúng tôi nêu trở lại quan điểm mỗi từ là một âm tiết. Trong bối cảnh lúc ấy, tiếng nói của chúng tôi chưa được chú ý lắm. Nhưng rồi cùng với quan niệm tính phân tiết của từ, quan niệm hình vị trùng với âm tiết của giáo sư Nguyễn Tài Cần, giới Việt ngữ học đã xem xét lại vấn đề một cách nghiêm túc. Nửa đầu những năm 80, tạp chí "Ngôn ngữ" thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia) đã mở cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa "tiếng", "từ" và "hình vị" trong tiếng Việt. Bản thân tôi cũng đóng góp cho cuộc tranh luận đó

một luận án phó tiến sĩ, bảo vệ năm 1983, với đề tài "Vấn đề phân định ranh giới trong những đơn vị thường được gọi là từ của tiếng Việt" [2]. Từ đó đến nay, chúng tôi tiếp tục thu thập thêm những dữ liệu ngôn ngữ cần thiết, đồng thời trang bị thêm những cơ sở lý luận mới, với hy vọng giải quyết vấn đề hợp lý, nhất quán.

3. Về mặt lý luận, phương pháp tiếp cận vấn đề là rất quan trọng. Chọn cách tiếp cận coi từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ như truyền thống ngôn ngữ học đã làm hay chọn cách tiếp cận của ngôn ngữ học miêu tả Mỹ coi trọng vai trò của âm vị, hình vị và kết cấu, còn từ chỉ đóng vai trò thứ yếu. Chúng tôi thiên về cách tiếp cận thứ nhất.

Coi từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, cần phải khảo sát nó một cách toàn diện từ các mặt khác nhau, đồng thời phải chú ý đến đặc điểm của từ trong tiếng Việt. Cố gắng tránh khuynh hướng nhấn mạnh mặt nội dung của từ mà coi nhẹ mặt hình thức của nó. Trong việc nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, đặc trưng về hình thức của các đơn vị ngôn ngữ đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

Khi xác định cấu tạo ngôn ngữ nào đó là từ của tiếng Việt phải căn cứ vào những quan hệ đối lập trong nội bộ hệ thống tiếng Việt mà xem xét chứ không để cho những nhân tố ngoài hệ thống chi phối.

Như ta đã biết, từ vựng của bất cứ ngôn ngữ nào trong một giai đoạn lịch sử nhất định không phải là một khối thuần nhất. Vì vậy, phương pháp tiếp cận hệ thống cần gắn với phương pháp phân biệt tâm và biên. Chúng ta chỉ có thể định nghĩa đúng về từ nếu trong định nghĩa đó có sự phản ánh hữu cơ tất cả những tiêu chí khu biệt cơ bản của từ, dù để phân biệt nó với đơn vị ngôn ngữ khác. Một điều quan trọng đối với việc giải quyết vấn đề từ là phải tính đến các hiện tượng quá độ khác nhau. Ngoài ra, các từ khác nhau có thể là từ ở mức độ khác nhau. Hiện tượng mới nhìn tưởng như mâu thuẫn này không những đúng về bản chất mà còn rất quan trọng đối với phương pháp luận. Bởi vì trong việc nhận diện các từ cần phải xác định toàn bộ những đặc trưng khu biệt riêng rẽ có thể có, tiêu biểu đối với từ. Những cấu tạo có tất cả các nét khu biệt là những từ điển hình, những từ có tính chất từ nhất. Những cấu tạo khác mặc dù thiếu hàng loạt những đặc trưng vốn có đối với các từ điển hình, nhưng chúng vẫn là các từ, miễn là chúng có một số tối thiểu nhất định các đặc trưng của từ. Tất nhiên, đối với mỗi kiểu từ khác nhau, số tối thiểu các đặc trưng có thể là khác nhau, nhưng với tính cách tổng thể của những đặc trưng nhất định thì nó hoàn toàn không có đối với các đơn vị ngôn ngữ học khác.

Những sự khác nhau trong cách xác định từ tiếng Việt ít nhiều xuất phát từ sự nhận thức chưa thống nhất về những vấn đề có tính chất phương pháp luận như: mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, cấu trúc và chức năng, ngôn ngữ là lời nói, đồng đại và lịch đại, tâm và biên, phân tích và miêu tả.

Chúng tôi quan niệm từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ; từ chẳng những là đơn vị ngôn ngữ học mà còn là đơn vị tâm lý - ngôn ngữ học; cần phải khảo sát từ một cách toàn diện từ các mặt khác nhau, đồng thời chú ý đến các đặc điểm của từ trong mỗi ngôn ngữ riêng biệt. Khi xác định những tiêu chuẩn để nhận diện từ tiếng Việt, chúng tôi chú ý đến cả những tiêu chí thể hiện tính tách rời của từ lẫn những tiêu chí thể hiện tính đồng nhất của từ. Sau khi trình bày các tiêu chí nhận diện, chúng tôi xem xét, đánh giá từng cấu tạo ngôn ngữ cụ thể trong tiếng Việt xem chúng thỏa mãn các tiêu chuẩn về từ như thế nào. Cuối cùng, chúng tôi đi đến kết luận: từ trong tiếng Việt là một chỉnh thể nhỏ nhất có nghĩa dùng để cấu tạo câu nói, nó có hình thức của một âm tiết, một chữ viết liền. Sự biến đổi và phát triển của tiếng Việt đã làm xuất hiện ngày càng nhiều những từ ngữ phản quy tắc, có tính đa tiết. So với từ của các ngôn ngữ Ấn-Âu, từ của tiếng Việt

có những đặc điểm sau:

- Từ tiếng Việt là đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa.

- Từ tiếng Việt có biến thể ngữ âm, biến thể từ vựng - ngữ nghĩa, nhưng không có biến thể hình thái học.

- Ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp gắn bó chặt chẽ với nhau ở trong từ tiếng Việt. Vì vậy, ý nghĩa của từ tiếng Việt thường có tính chất trừu tượng, khái quát về mặt ngữ pháp.

Thừa nhận mỗi tiếng là một từ có nghĩa là thừa nhận sự tổ hợp của các tiếng phải là cụm từ và câu. Cụm từ tự do và câu được cấu tạo theo những mô hình cấu trúc-bậc cú pháp của ngôn ngữ, tức là một lớp những quan hệ nhất định tồn tại giữa tối thiểu hai lớp từ vựng - ngữ pháp của các từ. Giữa từ điển hình và cụm từ tự do là một loạt các đơn vị mang tính chất trung gian giữa bậc từ vựng và bậc cú pháp. Chúng được cấu tạo theo mô hình của các cụm từ nhưng lại được sử dụng với chức năng của các từ.

Đặc trưng chung của những đơn vị này là:

1) Tính hoàn chỉnh về nghĩa.

2) Tính phi cú pháp trong quan hệ giữa các thành tố cấu tạo. Cần lưu ý là phi cú pháp không phải là không có quan hệ cú pháp mà là có quan hệ đã đi chệch khỏi những mô hình cú pháp bình thường của tiếng Việt hiện đại.

Chúng tôi cho rằng khi nghiên cứu những đơn vị có tính chất trung gian giữa từ và cụm từ tự do cần phải:

- Thấy tính chất nhiều mặt của chúng, không nên chỉ thấy mặt này mà không thấy mặt kia, cũng không nên thay thế mặt này bằng mặt kia dù đó là mặt quan trọng nhất.

- Các mặt liên hệ biện chứng lẫn nhau, nhưng không trùng nhau, đồng nhất với nhau. Trong nghiên cứu cần phải thấy các mặt khác nhau cùng tồn tại, đồng thời phải thấy mặt nào là cơ sở, quyết định mối liên hệ giữa các mặt đó, quyết định bản chất của đơn vị được nghiên cứu.

- Ở các đơn vị trung gian có hiện tượng giao thoa giữa các mặt. Nhưng ở mỗi địa hạt, mỗi bậc ngôn ngữ vẫn có những đơn vị và nguyên tắc tổ chức riêng của mình. Khi nghiên cứu các mặt của đơn vị ngôn ngữ không nên chuyển các thao tác phân tích ở bậc này sang bậc kia.

Cụ thể chúng tôi đã tiến hành khảo sát, phân loại các đơn vị trung gian giữa từ và cụm từ tự do của tiếng Việt từ ba mặt sau đây:

- Mặt chức năng - ngữ nghĩa là mặt cơ bản quyết định bản chất của các đơn vị được nghiên cứu.

- Mặt cấu trúc cú pháp là địa hạt đã diễn ra sự tổ chức các đơn vị được nghiên cứu.

- Mặt từ vựng là mặt thể hiện mối liên hệ chuyển hóa lẫn nhau giữa các đơn vị.

Cả ba mặt trên đây gắn bó với nhau tạo thành một quá trình thống nhất trong sự sản sinh các đơn vị ngôn ngữ.

Kết luận: Chúng tôi khẳng định giải pháp do chúng tôi đề nghị chẳng những không trái với lý luận của ngôn ngữ học đại cương mà còn phù hợp với truyền thống ngữ văn của ta từ trước tới nay. Các truyền thống từ điển học, chơi chữ, áp vận, nói lái, v.v... đều hỗ trợ cho giải pháp coi từ có hình thức ngữ âm là âm tiết. Về mặt thực tiễn, coi từ tiếng Việt có hình thức ngữ âm là âm tiết đã làm nổi rõ hơn đặc điểm loại hình của tiếng Việt. Mặt khác cách giải thích này đã góp phần

làm sáng tỏ hơn bản chất của quá trình Việt hóa từ ngữ tiếng Việt.

Cái băn khoăn lớn nhất, khiến cho nhiều nhà Việt ngữ học không thừa nhận mỗi tiếng là một từ là nếu làm như vậy thì dường như trong tiếng Việt không có phạm trù hình thái học, từ và hình vị không phân biệt nhau. Nhưng sự kiện này cũng chẳng phải là cái gì mới mẻ, chỉ xảy ra trong tiếng Việt. Đối với tiếng Hán và một số tiếng khác, các nhà ngôn ngữ học đã nêu ra và thảo luận về nó từ lâu. Phương chi, miêu tả tiếng Việt vừa phải nêu lên cái gì là chung giữa nó với các ngôn ngữ khác nhau, vừa phải nói rõ khác với các ngôn ngữ khác ở chỗ nào [3].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp - *Từ vựng tiếng Việt*. Trường đại học Tổng hợp Hà Nội xuất bản, Hà Nội, 1978.
2. Nguyễn Thiện Giáp - *Vấn đề phân định ranh giới trong những đơn vị thường được gọi là từ của tiếng Việt*. Luận án Phó tiến sĩ. Trường đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội, 1983.
3. Nguyễn Thiện Giáp - *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội, 1985.

VNU, H. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n°1, 1995

PROBLEM OF A WORD IN VIETNAMESE LANGUAGE

Pr. NGUYEN THIEN GIAP

Faculty of Philology, Hanoi University

This article describes theoretical and practical basics in order to consider the unit so called "tiếng" as word of vietnamese language.

First of all, the author studies different opinions on word in vietnamese language and theoretical basics concerning this problem. Next, the author evaluates the accuracy and effectiveness of criterias being used to identify word of vietnamese language. Finally, the author presents clear criterias to identify word in vietnamese language. On that basic, the author classifies unitedly lexical units of vietnamese language.